

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2021

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Long.

2. Bà Phạm Thị Tuyết Trinh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 24/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXX-ST ngày 23/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2021/QĐ-ST ngày 08/9/2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Tạ Thị Ngọc A, sinh năm: 1990. (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Sen Hồ, thị trấn N, huyện Việt Y, tỉnh B.

***Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1973. (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Sen Hồ, thị trấn N, huyện Việt Y, tỉnh B.

Hiện đang lao động tại nước ngoài.

Địa chỉ cuối cùng của anh Nguyễn Văn L tại Việt Nam là thôn Sen Hồ, thị trấn N, huyện Việt Y, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 27/4/2021, nguyên đơn chị Tạ Thị Ngọc A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện Việt Y, tỉnh B ngày 05/10/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh L. Đến đầu năm 2012 thì anh L đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa liên bang Đức, còn chị vẫn ở lại sống cùng gia đình anh L đến ngày 20/9/2012 thì chị cùng con chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở và sinh sống từ đó đến nay. Sau khi anh L đi nước ngoài khoảng 1 đến 2 tháng đầu anh L vẫn gọi điện về cho chị, từ khi anh L đi nước ngoài anh L chưa bao giờ gửi tiền cho cho chị và con và cũng kể từ đó anh L cũng chưa về nước lần nào, hai vợ chồng cũng không liên lạc gì với nhau nữa, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 17/9/2012. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng A và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

Ngoài ra, chị Ánh còn trình bày: Hiện nay anh L vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài chị không cung cấp được cho Tòa án vì đã lâu chị không liên lạc được với anh L, anh L vẫn liên lạc về cho mẹ đẻ anh L là bà Hoàng Thị Th; trú tại: Thôn Sen Hồ, thị trấn N, huyện Việt Y, tỉnh B nhưng bà Th cũng không cung cấp địa chỉ cho chị biết nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp việc kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh L được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh L.

Tại đơn trình bày cháu Nguyễn Hoàng A trình bày: Cháu là con của bố Nguyễn Văn L và mẹ Tạ Thị Ngọc A, hiện nay cháu đang ở cùng với mẹ là Tạ Thị Ngọc A. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ cháu là Tạ Thị Ngọc A.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L không có bản tự khai.

Ngày 23/7/2021 và ngày 09/8/2021 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh L là bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1949; trú tại: thôn Sen Hồ, thị trấn N, huyện Việt Y, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà Th thông báo cho anh L biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Tạ Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn L; yêu cầu anh L viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà Th cung cấp địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc bà Th vẫn giữ nguyên quan điểm là anh L ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh L, đồng thời bà cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh L biết để anh L gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh L gửi về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tạ Thị Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn L vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Anh; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của anh L là bà Hoàng Thị Th và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị Tạ Thị Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh L không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh L; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh Nguyễn Văn L là đúng.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 4 điểm c khoản 5 Điều 477; Điều 271; Điều 273; Điều 150 BLTTDS; khoản 1, 3 Điều 479 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị Ngọc A.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tạ Thị Ngọc A được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao con chung là cháu là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 17/9/2012 cho chị Tạ Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do chị Ánh không yêu cầu. Anh Nguyễn Văn L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Chị Tạ Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Tạ Thị Ngọc A là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Tạ Thị Ngọc A.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh L là bà Hoàng Thị Th để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà Th thông báo cho anh L biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Tạ Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn L; Yêu cầu anh L viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà Th cung cấp địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài. Bà Hoàng Thị Th trình bày: Anh L ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho bà. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà Th vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh L cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh L biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Hoàng Văn Lượng theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Tạ Thị Ngọc A là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn L, anh L hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 10828/QLXNC-P5 ngày 06/5/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì anh L đã xuất nhập cảnh 05 lần, xuất cảnh lần gần nhất là ngày 26/01/2012 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước, địa chỉ cuối cùng của anh L ở Việt Nam là: Thôn Sen Hồ, thị trấn N, huyện Việt Y, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Tạ Thị Ngọc A và Nguyễn Văn L kết hôn ngày 05/10/2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện Việt Y, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Ánh trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình anh L. Đến đầu năm 2012 thì anh L đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa liên bang Đức, còn chị vẫn ở lại sống cùng gia đình anh L đến ngày 20/9/2012 thì chị cùng con chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở và sinh sống từ đó đến nay. Sau khi anh L đi nước ngoài khoảng 1 đến 2 tháng đầu anh L vẫn gọi điện về cho chị, từ khi anh L đi nước ngoài anh L chưa bao giờ gửi tiền cho chị và con, kể từ khi đi nước ngoài anh L cũng chưa về nước lần nào và hai vợ chồng cũng không liên lạc gì với nhau nữa, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tạ Thị Ngọc A. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị Ánh và anh L chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì anh L đi xuất khẩu lao động, còn chị Ánh vẫn ở nhà anh L chung sống với gia đình anh L một thời gian thì chị Ánh về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Kể từ khi anh L đi nước ngoài đến nay đã gần 10 năm anh L vẫn chưa về nước, vợ chồng sống đã sống ly thân nhau và đã cắt đứt liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Ánh và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ánh. Xử cho chị Tạ Thị Ngọc A được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

[4]. Về nuôi con chung: Chị Tạ Thị Ngọc A và Nguyễn Văn L có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 17/9/2012. Hiện nay, cháu Nguyễn Hoàng A đang ở với chị Ánh. Ly hôn chị Ánh đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Ánh: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh L đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Văn L từ khi đi nước ngoài thì cháu Nguyễn Hoàng A vẫn do chị Ánh là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ, cháu Hoàng A có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Tạ Thị Ngọc A về nuôi con chung là Nguyễn Hoàng A. Giao cho chị Ánh là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 17/9/2012 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn L có quyền thăm, nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Ánh không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp anh Nguyễn Văn L về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị Tạ Thị Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Tạ Thị Ngọc A phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; khoản 4 điểm c khoản 5 Điều 477; Điều 271; Điều 273; khoản 1 và khoản 3 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tạ Thị Ngọc A được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Tạ Thị Ngọc A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 17/9/2012 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Trường hợp anh Nguyễn Văn L về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3.Về án phí: Chị Tạ Thị Ngọc A phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000087 ngày 22/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị Tạ Thị Ngọc A đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Chị Tạ Thị Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Văn L hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND TT Nénh, Việt Yên.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND TT Nénh, Việt Yên.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

